

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

Bản án số: 59/2025/DS-PT

Ngày 01-4-2025

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Vũ

Các Thẩm phán:

Bà Đào Thị Huệ

Ông Cao Xuân Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu: Bà Lê Thị Vẹn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 294/2024/QĐ-PT ngày 21 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 10 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 106/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 27/2025/QĐ-TA ngày 25 tháng 01 năm 2025, Thông báo về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 67/2025/TB-TA ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 37/2025/QĐ-TA ngày 01 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 30-11-2023 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã chết ngày 08-3-2025).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H1:

2.1. Bà Phạm Thị R, sinh năm 1970 (có mặt).

2.2. Bà Nguyễn Thị Diệp H2, sinh năm 1993 (có mặt).

2.3. Bà Nguyễn Diệp Hoa H3, sinh năm 1999 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đã chết ngày 20-4-2024).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông H4:

3.1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 2002 (có mặt).

3.2. Cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2, sinh ngày 30-6-2011 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2:

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Thu H5, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp Ô, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

8. Bà Lê Thị Thúy V, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Ngô Văn H6, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Võ Văn P1, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Nguyễn Thị Bé M – Nguyên đơn.

2. Ông Nguyễn Văn T1 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bé M là con của cụ Nguyễn Văn L (sinh năm 1941, chết năm 1996) và cụ Mai Thị C1 (sinh năm 1946, chết năm 1984). Cụ L và cụ C1 có 09 người con gồm bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1 (chết ngày 08-3-2025, có vợ là bà Phạm Thị R và 02 con là Nguyễn Thị Diệp H2 và Nguyễn Diệp Hoa H3), ông Nguyễn Văn H4 (chết ngày 20-4-2024, có vợ là bà Huỳnh Thị H7 chết năm 2021 và 02 con là Nguyễn Văn P và Nguyễn Huỳnh Gia T2), bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị Thu H5, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị Bé C và bà Nguyễn Thị Bé M. Bố mẹ của cụ L và cụ C1 đã chết trước cụ L, cụ C1. Ngoài ra, cụ L và cụ C1 không có con riêng hay con nuôi nào khác. Khi chết, cụ L và cụ C1 đều không để lại di chúc.

Khi còn sống, cụ L và cụ C1 tạo lập được nhiều tài sản chung nhưng đã phân chia cho các con hết. Hiện nay, cụ L và cụ C1 chỉ còn tài sản chung chưa phân chia là quyền sử dụng đất diện tích 5.745,8m² (qua đo đạc thực tế diện tích là 5.528,6m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nguồn gốc thửa đất này là do cụ L và cụ C1 nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn N vào năm 1980, đất hiện nay chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đang do ông Nguyễn Văn T1 và vợ là bà V quản lý, sử dụng; trên đất hiện có cây tràm bông vàng do ông T1 trồng.

Nay, bà M yêu cầu Toà án phân chia di sản của cụ L và cụ C1 là diện tích đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X nêu trên thành phần 09 bằng nhau, cho bà M và những người con của cụ L và cụ C1. Đối với ông H4 đã chết thì con của ông H4 là anh P và cháu T2 được hưởng phần của ông H4. Bà M yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý trả lại giá trị cho ông T1.

Đối với yêu cầu của ông T1 đề nghị được tính công sức tôn tạo giữ gìn di sản của cụ L thì bà M không đồng ý. Vì ông T1 là người canh tác, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên nên bản thân ông T1 đã được hưởng hoa lợi từ diện tích đất mang lại.

Đối với yêu cầu của ông T1 đề nghị áp dụng thời hiệu chia di sản của cụ C1 để được hưởng phần di sản của cụ C1 thì bà M không đồng ý.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

Ông T1 là anh trai ruột của bà M. Ông T1 đồng ý với bà M về tên cha mẹ, năm sinh, năm mất, họ tên những người con của cụ L, cụ C1 cũng như di sản mà cụ L, cụ C1 để lại.

Khi cụ L và cụ C1 còn sống có tạo lập được nhiều tài sản chung, sau đó cụ L và cụ C1 đã chia hết cho con cái. Tất cả các anh chị em của ông T1 đều đã được cụ L, cụ C1 chia tài sản. Hiện nay, tài sản của cụ L và cụ C1 còn lại chưa chia là quyền sử dụng đất diện tích 5.745.8m² (qua đo đạc thực tế diện tích là 5.528,6m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thửa đất này do ông T1 quản lý, sử dụng từ khi cụ L còn sống. Đến năm 1996, khi cụ L chết thì ông T1 tiếp tục sử dụng. Khi ông T1 kết hôn với bà V vẫn sử dụng diện tích đất trên cho đến nay. Hiện trên đất có cây tràm do ông T1, bà V trồng.

Ông T1 xác nhận diện tích đất trên có nguồn gốc là của cha mẹ ông T1 là cụ L và cụ C1. Do ông T1 là người ở với cụ L đến khi cụ L chết nên năm 2010, tất cả các anh chị em còn lại đã làm giấy xác nhận đồng ý để ông T1 được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Ông T1 đã liên hệ chính quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do bà M khởi kiện nên hiện nay diện tích đất trên vẫn chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông T1 đề nghị Toà án áp dụng thời hiệu hưởng quyền dân sự đối với phần di sản của cụ C1, vì ông T1 là người đang quản lý toàn bộ di sản của cụ L và cụ C1 là quyền sử dụng đất nêu trên. Ông T1 đồng ý chia di sản của cụ L cho 09 người con của cụ L và cụ C1 nhưng yêu cầu chia thành 10 kỷ phần, ông T1 được nhận 2/10 kỷ phần vì ông T1 có công sức đóng góp, tôn tạo giữ gìn di sản của cụ L nên phải được tính công sức bằng một kỷ phần thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là con đầu tiên của cụ L và cụ C1. Bà đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc.

Sau khi cụ C1 chết thì cụ L ở với ông T1 và cùng sử dụng thửa đất trên với bà Nguyễn Thị Bé S, đến năm 1996 khi cụ L chết thì một mình ông T1 canh tác, sử dụng thửa đất trên từ đó đến nay.

Nay, bà H yêu cầu Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau. Đối với ông H4 đã chết thì con ông H4 là anh P và cháu T2 sẽ được hưởng phần của ông H4. Bà H yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý sở hữu chung với những người còn lại, trừ ông T1. Trường hợp trên đất có tài sản của ông T1 là những cây tràm thì bà H đồng ý trả lại cho ông T1 giá trị theo kết quả định giá của Toà án. Bà H không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của ông T1 đối với phần di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ông đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc. Khi cụ L còn sống thì cụ L canh tác trên diện tích đất trên. Năm 1996, cụ L chết thì ông H1 không sử dụng nữa mà ông T1 sử dụng từ đó đến nay.

Nay, ông yêu cầu Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau. Ông yêu cầu được nhận bằng hiện vật và đồng ý sở hữu chung với những người còn lại, trừ ông T1. Trường hợp trên đất có tài sản của ông T1 là những cây tràm thì ông H1 đồng ý trả lại cho ông T1 giá trị theo kết quả định giá của Toà án.

Ông cũng không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu của ông T1 về tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H5 trình bày:

Bà đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc. Diện tích đất trên trước đây do cụ C1 và cụ L sử dụng. Sau đó, cụ C1 chết thì cụ L sử dụng cùng với một số anh chị em nữa. Bà H5 có sử dụng diện tích đất trên đến năm 1998 thì bà lập gia đình nên không sử dụng nữa, mà ông T1 và bà Nguyễn Thị Bé S sử dụng.

Nay, bà H5 đề nghị Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau. Bà H5 đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật và đồng ý sở hữu chung với những anh chị em còn lại, trừ ông T1.

Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu của ông T1 tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Bà đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc. Toàn bộ diện tích đất trên là tài sản của cụ L và cụ C1. Sau khi cụ C1 chết thì cụ L sử dụng với các người con. Bản thân bà có sử dụng diện tích đất trên chung với ông T1 đến năm 2003 thì bà lập gia đình và không sử dụng nữa. Từ đó đến nay, chỉ mình ông T1 sử dụng.

Nay, bà đề nghị Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau, bà đề nghị được chia bằng hiện vật. Trường hợp phân di sản là quyền sử dụng đất bà được hưởng không đủ điều kiện tách thửa được theo quy định thì bà đồng ý sử dụng chung với những anh chị em còn lại, trừ ông T1.

Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu của ông T1 về việc tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu H5 trình bày:

Bà đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc. Bản thân bà có sử dụng diện tích đất trên đến năm 1996, khi cụ L chết thì bà không sử dụng nữa mà ông T1 sử dụng. Hiện nay diện tích đất trên cũng do ông T1 quản lý, sử dụng.

Nay, bà đề nghị Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau. Bà đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật. Trường hợp phần diện tích đất bà H5 được hưởng không đủ điều kiện tách thửa theo quy định thì bà H5 đồng ý sử dụng chung với những người còn lại, trừ ông T1.

Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé C trình bày:

Bà đồng ý với bà M về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế chưa chia của cụ L, cụ C1 là quyền sử dụng đất thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Cụ L, cụ C1 chết không để lại di chúc. Bà có sử dụng diện tích đất trên đến năm 2000 thì không sử dụng nữa. Hiện nay, ông T1 là người quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất trên.

Nay, bà đề nghị Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 thành 9 kỷ phần bằng nhau. Bà đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật. Trường hợp phần diện tích đất bà C được hưởng không đủ điều kiện tách thửa theo quy định thì bà đồng ý sử dụng chung với những người còn lại, trừ ông T1.

Bà cũng không đồng ý với yêu cầu của ông T1 về áp dụng thời hiệu đối với phần di sản của cụ C1 và không đồng ý yêu cầu tính công sức đóng góp bảo quản, giữ gìn di sản của cụ L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thúy V trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn T1. Năm 2003, bà và ông T1 kết hôn. Khi bà về làm vợ của ông T1 thì cụ L và cụ C1 đều đã chết. Lúc này, bà và ông T1 là người canh tác trên diện tích đất tranh chấp là thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X từ đó đến nay. Hơn 20 năm, bà và ông T1 sử dụng đất thì các anh chị em đều biết và không có ý kiến gì. Ông T1 cũng đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Bé M khởi kiện nên hiện nay diện tích đất trên vẫn chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hơn 20 năm canh tác trên đất, bà và ông T1 chủ yếu trồng cây ngắn ngày như mì, bắp. Diện tích đất trên không màu mỡ nên hàng năm thu hoạch không được bao nhiêu. Mấy năm gần đây, bà và ông T1 trồng tràm trên đất. Nay, bà M khởi kiện ông T1 thì bà không có ý kiến gì. Đồng ý với ý kiến và yêu cầu của ông T1.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H4 là ông Nguyễn Văn P trình bày:

Ông P và cháu T2 là con ruột của ông Nguyễn Văn H4 và bà Huỳnh Thị H7. Bà H7 chết ngày 16-9/-2021, còn ông H4 chết ngày 20-4-2024. Ông H4 và bà H7 chỉ có 02 người con là ông P và cháu T2. Ngoài ra, ông H4 không có con nuôi, con riêng nào khác. Nay, ông H4 chết thì ông P và cháu T2 đề nghị Toà án chia di sản của cụ L, cụ C1 theo quy định pháp luật. Ông P và cháu T2 không có ý kiến gì, đồng ý nhận phần di sản thay ông H4. Hiện nay cha mẹ ông P và cháu

T2 là ông H4 và bà H7 đã chết nên ông P là người giám hộ của cháu T2 đề nghị Toà án chia di sản của cụ Nguyễn Văn L và cụ Mai Thị C1 theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

Tạm giao cho ông Nguyễn Văn T1 quản lý, sử dụng diện tích đất 5.528,6m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ông Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm thanh toán giá trị kỷ phần di sản bằng tiền cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị Thu H5, bà Nguyễn Thị Bé C, bà Nguyễn Thị Bé M, ông Nguyễn Văn P (anh P nhận thay cháu T2) mỗi người số tiền là 92.143.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13-6-2024, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận thừa đất số 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do các đồng thừa kế của cụ L và Cụ C1 đang quản lý, sử dụng; chia toàn bộ di sản thừa kế của cụ L và cụ C1 là thừa đất nêu trên theo quy định của pháp luật, cụ thể là chia đều cho các đồng thừa kế, trong đó bà được nhận bằng hiện vật vì hiện bà không có nhà đất để ổn định cuộc sống. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng thời hiệu thì đề nghị Tòa án xem xét công sức đóng góp theo khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình và xem xét điều kiện, hoàn cảnh của nguyên đơn như sau: Công nhận tài sản chung của cụ L và cụ C1 theo tỷ lệ 1:2, trong đó phần di sản cụ C1 để lại là 1/3 thừa đất trên, còn phần di sản của cụ L là 2/3 thừa đất trên; chia di sản của cụ L thành 9 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế, trong đó bà Bé M được nhận bằng hiện vật.

Ngày 13-6-2024, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ L thành 10 phần bằng nhau, trong đó ông T1 được nhận 02 phần vì có công sức giữ gìn di sản của cụ L để lại.

Trong quá trình Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 chết vào ngày 08-3-2025, theo trích lục khai tử số 65/TLKT-BS ngày 13-3-2025 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Thông báo số 64/2025/TB-TA ngày 26-3-2025 bổ sung

người tham gia tố tụng, trong đó xác định những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Nguyễn Văn H1 gồm: Bà Phạm Thị R (Vv ông H1), bà Nguyễn Thị Diệp H2 và bà Nguyễn Diệp Hoa H3 (con gái ông H1).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Sau khi Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 nộp trong thời hạn luật định. Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé M và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:*

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 67/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Bé M, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị R, bà Nguyễn Thị Diệp H2, bà Nguyễn Diệp Hoa H3, ông Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn Văn P đại diện), bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị Thu H5, bà Nguyễn Thị Bé C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 377,1m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ký hiệu Lô D, theo các điểm tọa độ 27, 26, 25, 30, 29, 28, 31, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 27 tại Mảnh trích đo địa chính số 84/2024 ngày 18-11-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm theo bản án), để làm lối đi chung.

2. Ông Nguyễn Văn T1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.812,2m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ký hiệu Lô A, theo các điểm tọa độ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 25, 26, 27, 21, 22, 23, 24, 1 tại Mảnh trích đo địa chính số 84/2024 ngày 18-11-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm theo bản án).

3. Bà Nguyễn Thị Bé M được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.000,4m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ký hiệu Lô B, theo các điểm tọa độ 7, 8, 9, 28, 29, 30, 25, 7 tại Mảnh trích đo địa chính số 84/2024 ngày 18-11-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm theo bản án).

4. Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị R, bà Nguyễn Thị Diệp H2, bà Nguyễn Diệp Hoa H3, ông Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn Văn P đại diện), bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị Thu H5 và bà Nguyễn Thị Bé C được quyền sử dụng chung phần đất có diện tích 1.338,9m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, ký hiệu Lô C, theo các điểm tọa độ 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 31, 28, 9 tại Mảnh trích đo địa chính số 84/2024 ngày 18-11-2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (kèm theo bản án).

Các ông bà: Nguyễn Thị H, Phạm Thị R, Nguyễn Thị Diệp H2, Nguyễn Diệp Hoa H3, Nguyễn Văn P, Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn Văn P đại diện), Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị Thu H5 và Nguyễn Thị Bé C không yêu cầu Tòa án phân chia quyền sử dụng đất riêng cho từng người trong phần di sản 1.338,9m² thuộc thửa 161, tờ bản đồ số 71, xã P, huyện X ký hiệu Lô C nêu trên. *(Mỗi đồng thừa kế của cụ L được nhận một kỷ phần bằng 1/7 giá trị diện tích đất 1.338,9m² nêu trên, trong đó: Bà Phạm Thị R, bà Nguyễn Thị Diệp H2 và bà Nguyễn Diệp Hoa H3 được nhận kỷ phần của ông Nguyễn Văn H1; ông Nguyễn Văn P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn Văn P đại diện) được nhận kỷ phần thừa kế của ông Nguyễn Văn H4).*

5. Bà Nguyễn Thị Bé M không phải thanh toán phần chênh lệch giá trị di sản bằng tiền cho các ông bà: Nguyễn Thị H, Phạm Thị R, Nguyễn Thị Diệp H2, Nguyễn Diệp Hoa H3, Nguyễn Văn P, Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn

Văn P đại diện), Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị Thu H5 và Nguyễn Thị Bé C.

6. Các đương sự được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất nêu trên theo quy định của pháp luật.

7. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị Thúy V có nghĩa vụ tự thu hoạch hoặc di dời số cây tràm hiện có trên các phần đất thuộc lô B, lô C và lô D để giao trả lại quyền sử dụng đất cho các đương sự có tên trên.

8. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và chỉnh sửa sơ đồ là 8.238.268 đồng. Bà Nguyễn Thị Bé M tự nguyện chịu và đã nộp xong.

9. Án phí dân sự sơ thẩm:

9.1. Bà Nguyễn Thị Bé M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.634.500 (mười lăm triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn, năm trăm) đồng, được trừ vào số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0011559 ngày 20-12-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Trả lại bà Nguyễn Thị Bé M số tiền 4.365.500 (bốn triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng.

9.2. Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 37.686.900 (ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi sáu ngàn, chín trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

9.3. Bà Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị R, bà Nguyễn Thị Diệp H2, bà Nguyễn Diệp Hoa H3, ông Nguyễn Văn P, cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông P đại diện), bà Nguyễn Thị H5, bà Nguyễn Thị Bé S, bà Nguyễn Thị Thu H5 và bà Nguyễn Thị Bé C phải chịu chung số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.586.400 (hai mươi ba triệu, năm trăm tám mươi sáu ngàn, bốn trăm) đồng, trong đó:

- Các bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H5, Nguyễn Thị Bé S, Nguyễn Thị Thu H5 và Nguyễn Thị Bé C phải nộp mỗi người 3.369.500 (ba triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm) đồng.

- Các bà Phạm Thị R, Nguyễn Thị Diệp H2, Nguyễn Diệp Hoa H3 phải nộp 3.369.500 (ba triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm) đồng.

- Ông Nguyễn Văn P và cháu Nguyễn Huỳnh Gia T2 (do ông Nguyễn Văn P đại diện) phải nộp 3.369.500 (ba triệu, ba trăm sáu mươi chín ngàn, năm trăm) đồng.

10. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé M phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0000852 ngày 13-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà M đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền số 0000847 ngày 17-6-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông T1 đã nộp xong án phí phúc thẩm.

11. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (01-4-2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- TAND H. Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT;
- VKSND H. Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT;
- Chi cục THADS H. Xuyên Mộc, tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Vỹ

